

Bài 5:

– Tìm hiểu mẫu.

- Số đo chiều dài gồm bao nhiêu xăng-ti-mét, bao nhiêu mi-li-mét?
(6 cm và 8 mm)

- Muốn đổi số đo này ra mi-li-mét, ta làm thế nào?

6 cm 8 mm = .?. mm (GV viết)

1 cm bằng bao nhiêu mi-li-mét? (1 cm = 10 mm)

6 cm bằng bao nhiêu mi-li-mét? (HS trả lời, GV viết **6 cm = 60 mm.**)

6 cm 8 mm tức là 6 cm và 8 mm, ta thực hiện phép tính cộng.

60 mm + 8 mm = 68 mm (GV viết).

– HS **thực hiện** (chỉ cần viết kết quả).

Sửa bài, các em **giải thích** cách làm.

Vui học

– HS **nhận biết** yêu cầu của bài toán (So sánh chiều dài 4 con kiến nối đuôi nhau với chiều dài con sâu).

– HS nhóm đôi tìm cách **thực hiện**.

$$6 \text{ mm} \times 4 = 24 \text{ mm}$$

$$2 \text{ cm } 5 \text{ mm} = 25 \text{ mm}$$

$$24 \text{ mm} < 25 \text{ mm}$$

4 chú kiến xếp nối đuôi nhau cũng không dài bằng con sâu.

CỦNG CỐ

GV có thể cho HS chơi “Đố các phép tính nhân, chia trong bảng”.

XEM ĐỒNG HỒ

(2 tiết)

A. Mục tiêu

1. Kiến thức, kĩ năng:

– Xem giờ đúng đến từng phút.

– Giải quyết vấn đề đơn giản liên quan đến xem giờ; tính toán với giờ, phút.

2. Năng lực chú trọng: tư duy và lập luận toán học; giao tiếp toán học; sử dụng công cụ, phương tiện học toán.

3. Tích hợp: Toán học và cuộc sống, Tự nhiên và Xã hội, Tiếng Việt.

Phẩm chất: yêu nước, chăm chỉ, trách nhiệm.

B. Thiết bị dạy học

GV và HS: mô hình đồng hồ.

C. Các hoạt động dạy học chủ yếu

KHỞ ĐỘNG

GV sử dụng mô hình đồng hồ.

– Nhắc lại kiến thức đã học: Theo kim phút, từ một số đến số liền nó tương ứng với 5 phút.

- GV xoay kim đồng hồ để kim phút xoay từ số 12 lần lượt đến số 1, 2, 3, 4, ..., 11.
HS **đọc**: 5, 10, 15, 20, ..., 55 (phút).
- GV xoay kim đồng hồ để kim phút xoay từ số 12 lần lượt đến số 11, 10, 9, 8, 7.
HS **đọc**: (kém) 5, 10, 15, 20, 25 (phút).

– GV giới thiệu: Theo kim phút, từ một vạch đến vạch liền nó tương ứng với 1 phút.

HS **sử dụng** mô hình đồng hồ, **xoay** kim phút lần lượt các trường hợp như hình ảnh trong SGK rồi **đếm**:

- Theo chiều kim đồng hồ:
1 phút.
5, 10, 11, 12, 13, 14 (14 phút).
5, 10, 15, 20, 21, 22 (22 phút).
- Ngược chiều kim đồng hồ:
1, 2 (kém 2 phút).
5, 10, 11, 12, 13 (kém 13 phút).
5, 10, 15, 20, 25, 26 (kém 26 phút)
- HS xoay kim đồng hồ để kim phút ở các vị trí sau rồi đọc theo hai cách
33 phút – kém 27 phút
37 phút – kém 23 phút.
44 phút – kém 16 phút.
58 phút – kém 2 phút.

BÀI HỌC VÀ THỰC HÀNH

GV và HS **sử dụng** mô hình đồng hồ.

1. Xem đồng hồ khi kim phút chỉ từ số 12 đến số 6 (theo chiều kim đồng hồ)

– Ôn lại cách **đọc** theo kim giờ.

- Khi kim giờ ở vị trí giữa hai số thì đọc giờ theo **số bé hơn** (riêng trường hợp giữa số 12 và 1 thì đọc giờ theo 12).
- GV xoay kim giờ đến một số vị trí, HS chỉ **đọc** giờ. Chẳng hạn:



12 giờ



5 giờ



8 giờ



11 giờ

- Đọc theo kim phút.



17 phút



4 phút



18 phút



29 phút

- Đọc cả giờ và phút.

12 giờ 17 phút

5 giờ 4 phút

8 giờ 18 phút

11 giờ 29 phút

2. Xem đồng hồ khi kim phút chỉ từ số 6 đến số 12 (theo chiều kim đồng hồ).

- GV giới thiệu hai cách đọc.

- GV xoay kim đồng hồ, hướng dẫn HS đọc theo hai cách, chẳng hạn:



12 giờ 55 phút

1 giờ kém 5 phút



5 giờ 46 phút

6 giờ kém 14 phút



2 giờ 38 phút

3 giờ kém 22 phút



11 giờ 32 phút

12 giờ kém 28 phút

2. Thực hành

Bài 1: HS thực hiện cá nhân rồi chia sẻ nhóm đôi.

(Ba đồng hồ hàng dưới đọc theo hai cách.)

Bài 2: HS xoay kim đồng hồ theo yêu cầu.

LUYỆN TẬP

Bài 1:

- HS **nhận biết** yêu cầu.

- **Tìm** cách làm.

- **Đọc** giờ trên đồng hồ rồi **đối chiếu** với các câu A, B, C, D.
- Cũng có thể **suy luận** theo chiều ngược lại.

- **Trình bày**.

Ví dụ: Đồng hồ màu cam - A.

Bài 2:

- GV hướng dẫn HS **đọc** các đồng hồ điện tử.

13 giờ 52 phút (hay 1 giờ 52 phút)

15 giờ 59 phút (hay 3 giờ 59 phút)

14 giờ 17 phút (hay 2 giờ 17 phút)

17 giờ 12 phút (hay 5 giờ 12 phút)

- HS **nhận biết** yêu cầu.

- **Tìm** cách làm.

- **Trình bày.**

Ví dụ: Đồng hồ 13 giờ 52 phút – D

Bài 3:

- HS **tim hiểu** bài.

- Lời giới thiệu hoạt động.
- Hình ảnh mô tả hoạt động.

Thời điểm bắt đầu vẽ (cả hai lớp cùng bắt đầu lúc 8 giờ).

Thời điểm vẽ xong (mỗi lớp kết thúc tại các thời điểm khác nhau).

- Các câu nói cần hoàn thành (viết gì vào chỗ chấm để được câu phù hợp với hình ảnh).

- HS nhóm bốn **thảo luận** tìm phương án giải quyết và **thực hiện**.

a) Dựa vào hình ảnh (8 giờ).

b) Dựa vào hình ảnh (11 giờ 8 phút, 11 giờ 20 phút).

c) Dựa vào thời điểm bắt đầu và thời điểm kết thúc của từng lớp.

Nhanh hơn tức là thời gian ít hơn.

3A: đến 11 giờ rồi thêm 8 phút.

3B: đến 11 giờ rồi thêm 20 phút.

Lớp nào ít thời gian hơn? (3A) Ít hơn bao lâu? (20 phút – 8 phút = 12 phút)

- Một vài nhóm **trình bày** và **giải thích** cách làm.

CÙNG CỐ

GV có thể dùng một trò chơi để HS đọc giờ, xoay kim đồng hồ theo yêu cầu.

CHIA SỐ CÓ BA CHỮ SỐ CHO SỐ CÓ MỘT CHỮ SỐ (3 tiết)

A. Mục tiêu

1. Kiến thức, kĩ năng:

- Nhận biết cơ sở lí luận của biện pháp tính qua mô hình trực quan.
- Thực hiện được phép chia số có ba chữ số cho số có một chữ số (cả trường hợp thương có chữ số 0).
- Thực hiện tính nhẩm: Chia số tròn chục, tròn trăm có ba chữ số cho số có một chữ số (mỗi lượt chia đều là phép chia hết).
- Chuyển đổi, so sánh các số đo với các đơn vị độ dài, thời gian.
- Tính giá trị của biểu thức.
- Giải quyết các vấn đề đơn giản liên quan đến đo lường, phép chia.

2. Năng lực chú trọng: tư duy và lập luận toán học; giao tiếp toán học; sử dụng công cụ, phương tiện học toán; giải quyết vấn đề toán học.